

# **MỘT SỐ CÂU HỎI TỰ LUẬN MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN**

## **Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN**

**Câu 1: Tại sao phương pháp trừu tượng hóa khoa học là phương pháp đặc trưng nhất của kinh tế chính trị Mác – Lenin?**

Phương pháp trừu tượng hóa khoa học là phương pháp nghiên cứu đặc thù, chủ yếu của Kinh tế chính trị Mác-Lenin vì các phương pháp nghiên cứu khoa học không thể thực hiện trong các phòng thí nghiệm, không thể sử dụng các thiết bị kỹ thuật như trong nghiên cứu khoa học tự nhiên. Mặt khác, các quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi, các quá trình kinh tế luôn phức tạp, chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau mà trừu tượng hóa khoa học lại là phương pháp được tiến hành bằng cách nhận ra và gạt bỏ khỏi quá trình nghiên cứu, những yếu tố ngẫu nhiên, những hiện tượng tạm thời, gián tiếp trên cơ sở đó tách ra được những dấu hiệu điển hình, bền vững, ổn định, trực tiếp của đối tượng nghiên cứu, từ đó nắm được bản chất khái quát thành các phạm trù, khái niệm và phát hiện được tính quy luật, quy luật chi phối sự vận động của đối tượng nghiên cứu. Nên việc sử dụng phương pháp trừu tượng hóa khoa học giúp cho việc nghiên cứu trở nên đơn giản hơn, nhanh chóng tiếp cận được bản chất đối tượng nghiên cứu.

→ Ví dụ: Trong xã hội tư sản, ngoài giai cấp tư sản và vô sản ra còn có các giai cấp khác, nhưng khi nghiên cứu lại giả định xã hội tư sản chỉ có hai giai cấp tư sản và vô sản để làm cho quá trình nghiên cứu được thuận lợi.

**Câu 2: So sánh và giải thích sự khác biệt về đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lenin với các trường phái kinh tế chính trị nước C.Mác?**

- Đối tượng kinh tế chính trị học trong các trường phái kinh tế:
  - + Kinh tế chính trị trở thành môn khoa học độc lập vào thời kỳ xã hội phong kiến suy đồi, hình thành Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, hình thành thị trường dân tộc ở các nước Tây Âu.
  - + Lần đầu thuật ngữ kinh tế học chính trị được nhà kinh tế học Pháp là A.D Monntchretien đề cập năm 1815 để trình bày toàn bộ các ngành kinh tế và các chính sách kinh tế của nước Pháp từ đó nó có cơ sở để nghiên cứu và trở thành một nhà khoa học.
- Có nhiều quan niệm khác nhau về đối tượng kinh tế chính trị học:
  - + Quan điểm chủ nghĩa trọng thương từ thế kỉ XV đến XVII kinh tế học chính trị là môn khoa học nghiên cứu về của cải thương nghiệp.
  - + Quan niệm về kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh đầu thế kỷ XVIII.

**Câu 3: Ý nghĩa của việc nghiên cứu kinh tế chính trị Mác – Lenin trong quá trình học tập, lao động và quản trị quốc gia?**

- Kinh tế chính trị Mác – Lenin có vai trò quan trọng trong đời sống lao động, xã hội và quản trị của quốc gia:
  - + Kinh tế chính trị Mác – Lenin giúp con người hiểu được bản chất của các hiện tượng và quá trình kinh tế, nắm được các quy luật kinh tế chi phối sự vận động và phát triển kinh tế và vận dụng lý luận đó vào thực tế. Quá trình vận dụng đúng các quy luật kinh tế khách quan thông qua điều chỉnh hành vi cá nhân hoặc các chính sách kinh tế sẽ góp phần thúc đẩy nền kinh tế - xã hội phát triển theo hướng tiến bộ.

- + Kinh tế chính trị Mác – Lenin cung cấp cho các luận cứ khoa học làm cơ sở để hình thành các chính sách kinh tế, các đường lối, chiến lược phát triển kinh tế, xã hội, phù hợp với yêu cầu của các quy luật khách quan và điều kiện cụ thể của đất nước ở từng thời kì nhất định.
- + Kinh tế chính trị Mác – Lenin giúp con người hiểu được các chính sách, đường lối kinh tế của Nhà nước, tạo niềm tin sâu sắc vào con đường chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam, tạo động lực để thúc đẩy từng cá nhân và toàn xã hội không ngừng sáng tạo, từ đó cải thiện không ngừng đời sống vật chất, tinh thần của toàn xã hội.

## **Chương 2: HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG (đã in riêng 1 bản)**

**Câu 1: Sản xuất hàng hóa ra đời trong điều kiện nào? Hiện nay Việt Nam có điều kiện để phát triển sản xuất hàng hóa không? Vì sao?**

- Sản xuất hàng hóa là kiểu tổ chức kinh tế mà ở đó những người sản xuất ra sản phẩm không nhằm phục vụ mục đích nhu cầu tiêu dùng của chính mình mà để trao đổi, mua bán (trải qua bốn khâu Sản xuất – Trao đổi – Phân phối – Tiêu dùng).
- Sản xuất hàng hóa ra đời khi có đủ hai điều kiện sau:
  - + Thứ nhất là phân công lao động xã hội: Phân công lao động xã hội là sự phân chia lao động trong xã hội thành các ngành, các lĩnh vực khác nhau, tạo nên sự chuyên môn hóa của những người sản xuất thành những ngành nghề khác nhau, tạo nên sự chuyên môn hóa của những người sản xuất thành những ngành nghề khác nhau. Phân công lao động xã hội càng phát triển, thì sản xuất và trao đổi hàng hóa càng mở rộng và đa dạng hơn. Do sự phân công lao động xã hội nên việc trao đổi sản phẩm trở thành tất yếu. Mỗi người chỉ sản xuất một hoặc một số sản phẩm nhất định. Trong khi nhu cầu của họ lại đòi hỏi nhiều loại sản phẩm khác nhau. Và để thỏa mãn nhu cầu này, những người sản xuất phải trao đổi sản phẩm với nhau. Điều này làm cho năng suất lao động tăng lên, sản phẩm thặng dư ngày càng nhiều nên càng thúc đẩy sự trao đổi sản phẩm.
  - + Thứ hai là sự tách biệt về kinh tế của các chủ thể sản xuất đó (điều kiện đủ): Tức là những người sản xuất trở thành những chủ thể có sự độc lập nhất định với nhau. Do đó sản phẩm làm ra thuộc quyền sở hữu của các chủ thể kinh tế, người này muốn tiêu dùng sản phẩm của người khác thì phải thông qua trao đổi, mua bán hàng hóa. Trong chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất thì tư liệu sản xuất thuộc về ai thì kết quả làm ra thuộc quyền sở hữu của người đó. Từ đó, có thể thấy rằng phân công lao động xã hội làm cho những người sản xuất phụ thuộc vào nhau, còn sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế giữa những người sản xuất lại chia rẽ họ, làm cho họ độc lập. Mâu thuẫn này được giải quyết thông qua việc trao đổi, mua bán sản phẩm của nhau. Đây là hai điều kiện cần và đủ của sản xuất hàng hóa.
- Hiện nay trong thời buổi hội nhập kinh tế, toàn cầu hóa hiện nay đã đặt ra nhiều cơ hội để phát triển sản xuất hàng hóa, Việt Nam có những điều kiện sau để phát triển hàng hóa:
  - + Đầu tiên trong vấn đề phân công lao động xã hội thì bởi toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế thì càng ngày càng có nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau phát triển làm tăng sự trao đổi hàng hóa. Thị trường trao đổi hàng hóa không còn bị bó hẹp trong phạm vi một nước, một vùng lãnh thổ nhất định mà là mở rộng ra trên khắp thế giới.
  - + Tiếp theo, do sản xuất hàng hóa ra đời trên cơ sở phân công lao động xã hội, chuyên môn hóa sản xuất, và bởi vậy nên sản xuất hàng hóa khai thác được những lợi thế về tự nhiên, xã hội, kỹ thuật của từng người, của từng cơ sở sản xuất cũng như từng vùng, từng địa phương. Và ở

Việt Nam cũng có nhiều lợi thế về việc sản xuất nông nghiệp có nhiều vùng chuyên canh lớn, nên Việt Nam có rất nhiều cơ hội để phát triển sản xuất hàng hóa.

### **Chương 3: GIÁ TRỊ THặng DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG** (đã in riêng 1 bản)

### **Chương 4: CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG**

**Câu 1: Phân tích nguyên nhân hình thành độc quyền? Trình bày tác động của độc quyền đối với nền kinh tế? Vì sao nhà nước cần phải chống độc quyền?**

– Độc quyền là sự liên minh giữa các doanh nghiệp lớn, có khả năng thôn tóm việc sản xuất và tiêu thụ một số tiêu thụ một số loại hàng hóa, có khả năng định ra giá cả độc quyền, nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao.

– Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX trong nền kinh tế thị trường các nước tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện các tổ chức độc quyền. Các tổ chức độc quyền xuất hiện do những nguyên nhân chủ yếu sau:

- + Một là, do sự phát triển của lực lượng sản xuất và khoa học kỹ thuật (phương pháp luyện kim mới, động cơ đốt trong, phương tiện vận tải mới,...). Để áp dụng những thành tựu đó vào sản xuất cần có nguồn vốn lớn. Điều này yêu cầu phải tích tụ tư bản và tập trung sản xuất, hình thành các doanh nghiệp quy mô lớn, các ngành sản xuất mới ra đời, cơ cấu kinh tế biến đổi theo hướng tập trung có quy mô hơn, thúc đẩy các tổ chức độc quyền.
- + Hai là, do sự tác động của cạnh tranh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ phá sản, muốn thắng các nhà tư bản phải tăng cường tích tụ, tập trung sản xuất, liên kết với nhau thành các doanh nghiệp với quy mô ngày càng to lớn hơn.
- + Ba là, do khủng hoảng sự phát triển của hệ thống tín dụng (cuộc khủng hoảng kinh tế của thế giới tư bản), đặc biệt là cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1873 càng đẩy mạnh tích tụ tư bản và tập trung sản xuất hình thành các doanh nghiệp có quy mô lớn, các công ty cổ phần, tạo tiền đề cho các tổ chức độc quyền.

→ Tóm lại, tích tụ và tập trung sản xuất đến mức độ nhất định sẽ dẫn đến độc quyền, vì số ít các xí nghiệp lớn dễ thỏa hiệp với nhau hơn là nhiều xí nghiệp nhỏ. Mặt khác, cạnh tranh giữa xí nghiệp lớn sẽ gay gắt hơn, đề ra khuynh hướng thỏa hiệp để nắm độc quyền.

– Tác động của độc quyền đối với nền kinh tế thể hiện ở cả mặt tích cực và tiêu cực:

#### ❖ Tác động tích cực:

- + Độc quyền tạo ra khả năng to lớn trong việc nghiên cứu và triển khai các hoạt động khoa học kỹ thuật, thúc đẩy sự tiến bộ kỹ thuật.
- + Độc quyền có thể làm tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh của bản thân tổ chức độc quyền.
- + Độc quyền tạo được sức mạnh kinh tế góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng sản xuất lớn hiện đại.

#### ❖ Tác động tiêu cực:

- + Độc quyền xuất hiện làm cho cạnh tranh không hoàn hảo gây thiệt hại cho người tiêu dùng và xã hội.
  - + Độc quyền có thể kìm hãm sự tiến bộ kỹ thuật, theo đó kìm hãm sự phát triển kinh tế, xã hội.
  - + Khi độc quyền nhà nước bị chi phối bởi nhóm lợi ích cục bộ hoặc khi độc quyền tư nhân chỉ phối các quan hệ kinh tế, xã hội sẽ gây ra hiện tượng làm tăng sự phân hóa giàu nghèo.
- Việc thực hiện chế độ độc quyền do nhiều nguyên nhân đồng thời cũng gây ảnh hưởng không ít đến việc cạnh tranh không lành mạnh. Chính vì vậy, nhằm để đảm bảo duy trì cạnh tranh lành mạnh và

tính độc quyền nhà nước phải thực hiện một số biện pháp chống độc quyền nhằm ngăn cấm các hãng cầu kết để cùng nhau nâng giá hoặc hạn chế một số cơ cấu thị trường nhất định.

**Câu 2: Trình bày các hình thức của xuất khẩu tư bản. Tại sao nói xuất khẩu tư bản gắn với giai đoạn độc quyền chủ nghĩa tư bản?**

– Xuất khẩu tư bản là đầu tư tư bản ra nước ngoài nhằm mục đích chiếm đoạt giá trị thặng dư và các nguồn lợi khác ở các nước nhập khẩu tư bản.

– Hình thức của xuất khẩu tư bản:

❖ Xét theo cách thức đầu tư:

Xuất khẩu tư bản được thực hiện dưới hình thức đầu tư trực tiếp (xuất khẩu tư bản sản xuất) và đầu tư gián tiếp (xuất khẩu tư bản cho vay). Trong đó:

+ Hình thức đầu tư trực tiếp gồm: FDI

+ Hình thức đầu tư gián tiếp gồm: ODA, FII (FPI), cho vay

❖ Xét theo chủ sở hữu: ta có xuất khẩu tư bản nhà nước và xuất khẩu tư bản tư nhân.

❖ Xét về cách thức hoạt động: thực chất xuất khẩu tư bản là một hình thức mở rộng quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa phạm vi quốc tế.

– Có thể nói xuất khẩu tư bản gắn liền với giai đoạn độc quyền chủ nghĩa tư bản vì xuất khẩu tư bản là một trong ba đặc điểm chính của chủ nghĩa tư bản độc quyền. Lê-nin từng khẳng định rằng xuất khẩu tư bản khác về nguyên tắc với xuất khẩu hàng hoá và là một quá trình ký sinh. Xuất khẩu tư bản đã trở nên tất yếu vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX vì: một số nước phát triển có một số “tư bản thừa” tương đối cần tìm nơi đầu tư; trong khi đó nhiều nước kém phát triển về kinh tế, dồi dào về nguyên liệu, giá thuê công nhân rẻ nhưng lại thiếu vốn, kỹ thuật. Các nhà tư bản độc quyền đã lợi dụng việc này và xem việc xuất khẩu tư bản là sự mở rộng quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ra nước ngoài, là công cụ chủ yếu để bành trướng sự thống trị, bóc lột, nô dịch của tư bản tài chính trên phạm vi toàn thế giới. Chủ nghĩa tư bản độc quyền càng phát triển thì mâu thuẫn kinh tế - xã hội càng gay gắt, xuất khẩu tư bản trở thành một biện pháp làm giảm mức gay gắt đó.

**Câu 3: Nguyên nhân hình thành độc quyền nhà nước và những biểu hiện của độc quyền nhà nước?**

– Độc quyền nhà nước là kiểu độc quyền trong đó nhà nước thực hiện nắm giữ vị thế độc quyền trên cơ sở duy trì sức mạnh của các tổ chức độc quyền ở những lĩnh vực then chốt của nền kinh tế nhằm tạo ra sức mạnh vật chất cho sự ổn định chính trị xã hội ứng với điều kiện phát triển nhất định trong các thời kỳ lịch sử.

– Nguyên nhân hình thành độc quyền nhà nước:

+ Một là, tích tụ và tập trung vốn càng lớn thì tích tụ và tập trung sản xuất càng cao, sinh ra những cơ cấu kinh tế to lớn đòi hỏi phải có sự điều tiết từ một trung tâm đối với sản xuất và phân phối.

+ Hai là, sự phát triển của phân công lao động xã hội làm xuất hiện một số ngành mới có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, nhưng các tổ chức độc quyền tư nhân không thể hoặc không muốn đầu tư. Vì vậy nhà nước phải đứng ra đảm nhận phát triển các ngành đó.

+ Ba là, sự thống trị của độc quyền tư nhân đã làm gia tăng sự phân hoá giàu nghèo, làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giai cấp trong xã hội, đòi hỏi nhà nước phải có chính sách xoa dịu những mâu thuẫn đó.

+ Bốn là, cùng với xu hướng quốc tế hoá kinh tế, sự bành trướng của các liên minh độc quyền quốc tế vấp phải những hàng rào quốc gia dân tộc và xung đột lợi ích với các đối thủ trên thị trường thế giới, đòi hỏi nhà nước phải có sự điều tiết các quan hệ chính trị và kinh tế quốc tế.

- + Ngoài ra, việc thi hành chủ nghĩa thực dân mới và tác động của cách mạng khoa học công nghệ hiện đại cũng đòi hỏi sự can thiệp của nhà nước vào quá trình kinh tế.
- Những biểu hiện mới của độc quyền nhà nước:
  - ❖ Về cơ chế quan hệ nhân sự:
    - + Sự thay đổi về quan hệ nhân sự trong bộ máy chính quyền nhà nước. Thể chế đa nguyên trong phân chia quyền lực nhà nước trở thành phổ biến: các thể lực tư bản độc quyền cùng tồn tại, cùng phân chia quyền lực giữa các thể lực tư bản độc quyền, không cho phép bất cứ thể lực tư bản nào độc tôn, chuyên quyền.
    - + Không ít trường hợp trọng tâm quyền lực nhà nước thuộc về thể lực trung dung, có vị thế cân bằng giữa các thể lực đối địch nhau, tạo nên những thể chế kinh tế, chính trị, xã hội... ôn hoà hơn, ít cực đoan hơn.
  - ❖ Về sở hữu nhà nước:
    - + Chỉ tiêu ngân sách nhà nước được quản lý chặt chẽ hơn. Chống lạm phát và thất nghiệp được ưu tiên.
    - + Dự trữ quốc gia được sử dụng trong những tình huống đặc biệt.
    - + Vai trò của đầu tư nhà nước tăng lên.
    - + Nhà nước tư sản hiện đại là nhân tố quyết định sự ổn định của kinh tế vĩ mô thông qua thu chi ngân sách, kiểm soát lãi suất, tỷ giá hối đoái, trợ cấp, trợ giá, chính sách công...
    - + Ở một số nước, định hướng ưu tiên cho các vấn đề xã hội trong chi tiêu ngân sách nhà nước được luật pháp hoá, như chi cho: bảo vệ môi trường, an sinh xã hội, y tế, giáo dục miễn phí...
  - ❖ Trong vai trò công cụ điều tiết kinh tế của độc quyền nhà nước:
    - + Độc quyền nhà nước tập trung vào một số lĩnh vực.
    - + Về chính trị, chính phủ, nghị viện tư sản hiện đại cũng được tổ chức như một công ty cổ phần tư bản chủ nghĩa: với sự tham gia của các đảng đối lập kể cả Đảng Cộng sản chỉ được chấp nhận ở mức độ chưa đủ để đe dọa quyền lực không chế của giai cấp tư sản độc quyền.
    - + Viện trợ có ưu đãi từ nguồn lực nhà nước có xu hướng gia tăng – trở thành một bộ phận điều tiết kinh tế trong nước, một phương thuốc cứu nguy cho hàng hoá tồn đọng, công nghệ lỗi thời....

→ Tóm lại, trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, độc quyền phát triển đến trình độ nhất định sẽ xuất hiện độc quyền nhà nước. Là nhà tư bản tập thể khổng lồ, hình thức vận động mới của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, độc quyền nhà nước có vai trò quan trọng đối với sự ổn định của nhà nước tư sản. Nhưng sự biến đổi, thích nghi đó không làm thay đổi bản chất, không đủ để giải quyết được mâu thuẫn cơ bản trong chủ nghĩa tư bản ngày càng gay gắt.

## **Chương 5: KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM**

### **Câu 1: Chứng minh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế hỗn hợp.**

– Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

– Nền kinh tế hỗn hợp là nền kinh tế được điều hành bởi cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế hỗn hợp vì kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chịu sự tác động của cả thị trường và nhà nước, được chứng minh cụ thể:

- ❖ Chịu sự tác động của nền kinh tế thị trường: bởi đây là nền kinh tế hàng hóa phát triển cao, mọi quan hệ sản xuất và trao đổi đều được thông qua thị trường, chịu sự tác động, điều tiết của các quy luật thị trường.
  - + Có sự đa dạng của các chủ thể kinh tế, nhiều hình thức sở hữu. Các chủ thể đều bình đẳng trước pháp luật.
    - Ví dụ: Trong lĩnh vực ngân hàng, có hệ thống ngân hàng Nhà nước (Agribank, Viettinbank...) tồn tại song song với ngân hàng tư nhân (VPBank, Techcombank, ACB...), các ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài (CitiBank, ShanghaiBank,...); các hệ thống này tồn tại song song vừa hợp tác, vừa cạnh tranh với nhau, nhưng đều bình đẳng trước pháp luật.
  - + Phân bổ các nguồn lực xã hội thông qua hoạt động của các thị trường bộ phận, công cụ cơ bản là giá cả.
    - Ví dụ: Nguồn lực vốn chẳng hạn khi xảy ra dịch bệnh Covid toàn cầu kinh tế thế giới trở nên khó khăn hơn thị trường lao động khủng hoảng, số lượng người thất nghiệp nhiều, thị trường hàng hóa và dịch vụ đình trệ, sức mua giảm. Do vậy dưới sự tác động của suy thoái thị trường các chủ thể sẽ có xu hướng dịch chuyển nguồn lực vốn đầu tư sang các nước khu vực an toàn hơn như Việt Nam chẳng hạn.
  - + Giá cả được hình thành theo nguyên tắc thị trường. (quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, quy luật cung – cầu)
    - Ví dụ: Diễn hình như quan hệ trong quy luật cung – cầu, nếu cung lớn hơn cầu thì giá cả nhỏ hơn giá trị (được mùa mất giá) và ngược lại.
  - + Là nền kinh tế mở, thị trường trong nước quan hệ mật thiết với thị trường quốc tế.
    - Ví dụ: Trồng vải thiều và trồng nhãn ở Hải Dương và Hưng Yên. Nếu chỉ phát triển thị trường đầu ra ở Việt Nam thôi thì quả vải và quả nhãn chỉ thu được các giá trị nhất định. Nhưng nhờ có mở cửa kinh tế, nông sản Việt Nam xuất khẩu ra thị trường quốc tế giá trị của vải và nhãn đã tăng thêm nguồn thu nhập cho nông dân. Từ đó bà con nông dân đầu tư quy hoạch trang trại quy mô lớn để mở rộng diện tích canh tác và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- ❖ Chịu sự tác động của Nhà nước: Nhà nước đóng vai trò là chủ thể quản lý nền kinh tế thị trường; hay nói cách khác đó là mối quan hệ chủ thể trong nền kinh tế, sẽ quan hệ bình đẳng với các chủ thể khác theo luật định. Quan hệ nhà nước và thị trường cũng phản ánh mối quan hệ giữa cái chủ quan với khách quan, bởi lẽ thị trường luôn vận động theo các quy luật khách quan và chịu sự điều tiết của nhà nước, lúc đó nhà nước xuất hiện là các quy định, luật lệ, và các công cụ điều tiết khác. Các công cụ này là sản phẩm chủ quan để định hướng thị trường, tạo luật chơi cho thị trường. Thị trường sẽ hiệu quả khi các công cụ này hợp lý, không làm méo mó thị trường.
  - Ví dụ: Nhà nước Việt Nam quy định một số giá cả của các mặt hàng độc quyền như điện, quy định vùng quy hoạch sản xuất,... áp dụng các chính sách thuế trong kinh doanh,...

## **Câu 2: Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa?**

– Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với



từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

– Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là tất yếu, là đường lối chiến lược nhất quán, là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sự tất yếu đó xuất phát từ những lý do cơ bản sau đây:

- ❖ Một là, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phù hợp với tính quy luật phát triển khách quan của Việt Nam trong bối cảnh thế giới hiện nay. Kinh tế thị trường là giai đoạn phát triển cao của kinh tế hàng hóa, ở Việt Nam những điều kiện cho sự hình thành và phát triển của kinh tế hàng hóa không mất đi mà còn phát triển mạnh cả về chiều rộng và chiều sâu, sự phát triển kinh tế hàng hóa tất yếu hình thành kinh tế thị trường. Như vậy, sự lựa chọn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là phù hợp với xu thế của thời đại và đặc điểm phát triển của dân tộc.
- ❖ Hai là, do tính ưu việt của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thúc đẩy phát triển đối với Việt Nam:
  - + Kinh tế thị trường là phương thức phân bổ nguồn lực hiệu quả mà loài người đã đạt được so với các mô hình kinh tế phi thị trường, là động lực thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển nhanh và hiệu quả cao. Dưới tác động của các quy luật thị trường nền kinh tế luôn phát triển theo hướng năng động, kích thích tiến bộ kỹ thuật – công nghệ, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hạ giá thành sản phẩm.
  - + Xét trên góc độ đó, sự phát triển kinh tế thị trường không hề mâu thuẫn mà còn là cơ sở vật chất tạo điều kiện thực hiện những mục tiêu xã hội chủ nghĩa.
- ❖ Ba là, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với nguyện vọng mong muốn dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh của người dân Việt Nam. Sự tồn tại của kinh tế thị trường ở nước ta tạo ra một động lực quan trọng cho sự phát triển của lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Với đặc điểm lịch sử của dân tộc, Việt Nam không thể lựa chọn mô hình kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, chỉ có lựa chọn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mới phù hợp với ý chí và nguyện vọng của đông đảo nhân dân về một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

→ Có thể xem phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là bước đi quan trọng nhằm xã hội hóa nền sản xuất xã hội, là bước đi tất yếu của sự phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, là bước quá độ để đi lên chủ nghĩa xã hội.

### **Câu 3: Đặc trưng của kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa?**

– Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

– Những đặc trưng cơ bản của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam:

- ❖ Về mục tiêu: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phương thức để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện mục tiêu “ dân giàu, nước mạnh, dân chủ, văn minh”.
- ❖ Về quan hệ sở hữu:

- + Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam là nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là động lực quan trọng, kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập, tự chủ.
- + Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác, cạnh tranh cùng phát triển theo pháp luật.
- ❖ Về quan hệ quản lý nền kinh tế:
  - + Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam có đặc trưng là do Nhà nước pháp quyền XHCN quản lý dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam sự làm chủ và giám sát của nhân dân với mục tiêu dùng kinh tế thị trường để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH vì “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.
  - + Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua pháp luật, các chiến lược, kế hoạch, cơ chế chính sách và các công cụ kinh tế trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc của thị trường, khắc phục những khuyết tật của kinh tế thị trường và phù hợp với yêu cầu xây dựng CNXH ở Việt Nam.
- ❖ Về quan hệ phân phối: Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN thực hiện nhiều hình thức phân phối, có tác dụng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo công bằng xã hội trong sử dụng các nguồn lực kinh tế và đóng góp của họ trong quá trình lao động và sản xuất, kinh doanh.
- ❖ Về quan hệ giữa gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội: Tiến bộ và công bằng xã hội vừa là điều kiện đảm bảo cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế, vừa là mục tiêu thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta phải hiện thực hóa từng bước trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH.

**Câu 4: Tại sao kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?**

– Kinh tế nhà nước được hiểu là khu vực kinh tế thuộc sở hữu của nhà nước, do nhà nước trực tiếp quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông qua bộ máy đại diện là các cơ quan quản lý nhà nước; là thành phần kinh tế dựa trên chế độ sở hữu toàn dân về tư liệu sản xuất.

– Trải qua hàng chục năm đổi mới, khu vực kinh tế nhà nước luôn giữ vững và phát huy tốt vai trò chủ đạo, làm nòng cốt và định hướng, hướng dẫn các thành phần kinh tế khác phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Được thể hiện qua những lý do/khía cạnh sau:

- + Kinh tế nhà nước tiếp cận những công nghệ mới hiện đại, tiên tiến phục vụ cho hoạt động sản xuất cho năng suất cao, trình độ quản lý của nhà nước cũng rất sát sao, có sự phân cấp quản lý hiệu quả, hiệu quả kinh tế – xã hội và năng lực cạnh tranh của kinh tế nhà nước cũng được phát huy rõ rệt.
- + Kinh tế nhà nước là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để nhà nước ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết dẫn dắt thúc đẩy phát triển kinh tế; đóng vai trò hàng đầu trong việc khắc phục, hạn chế những bất cập của cơ chế thị trường; thực hiện xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện công bằng xã hội.
- + Kinh tế nhà nước đóng vai trò độc quyền những lĩnh vực có quan hệ trực tiếp đến an ninh quốc gia, có thể kể đến các lĩnh vực như dầu khí, điện lực, khoáng sản...
- + Góp phần quan trọng trong công tác quản lý nền kinh tế thị trường, định hướng nền kinh tế nước nhà phát triển theo “đúng quỹ đạo” của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.



- + Việc xác lập vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước là vấn đề có tính nguyên tắc và là sự khác biệt cơ bản giữa kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với kinh tế thị trường tư bản. Tính định hướng xã hội chủ nghĩa của kinh tế thị trường ở nước ta đã quy định kinh tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần. Bởi lẽ, mỗi một chế độ xã hội đều có một cơ sở kinh tế tương ứng, kinh tế nhà nước dựa trên chế độ công hữu, bao gồm kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, tạo cơ sở kinh tế cho chế độ xã hội mới – xã hội chủ nghĩa.

**Câu 5: Thể chế kinh tế thị trường và tại sao phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?**

- Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là hệ thống đường lối, chủ trương chiến lược, hệ thống luật pháp, chính sách quy định xác lập cơ chế vận hành, điều chỉnh chức năng, hoạt động, mục tiêu, phương thức hoạt động, các quan hệ lợi ích của các tổ chức, các chủ thể kinh tế nhằm hướng tới xác lập đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường hiện đại theo hướng góp phần thúc đẩy dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- Lý do phải thực hiện hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:
  - + Thứ nhất, do thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chưa đồng bộ. Do mới được hình thành và phát triển, cho nên, việc tiếp tục hoàn thành thể chế là yêu cầu mang tính khách quan. Nhà nước quản lý, điều tiết nền kinh tế thị trường bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ khác để thiếu các thất bại của thị trường, thực hiện công bằng xã hội. Do đó, cần phải xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường để phát huy mặt tích cực, khắc phục mặt tiêu cực và khuyết tật của nó.
  - + Thứ hai, hệ thống thể chế chưa đầy đủ. Xuất phát từ yêu cầu năng lực quản lý của nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Với bản chất nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của dân, do dân, vì dân và do vậy thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam phải là thể chế phục vụ lợi ích, vì lợi ích của nhân dân. Trình độ và năng lực tổ chức và quản lý nền kinh tế thị trường của nhà nước thể hiện chủ yếu ở năng lực xây dựng và thực thi thể chế.
  - + Thứ ba, hệ thống thể chế còn kém hiệu lực, hiệu quả, thiếu các yếu tố thị trường và các loại thị trường.

**Câu 6: Những biểu hiện cơ bản của lợi ích trong nền kinh tế thị trường?**

- Lợi ích là sự thỏa mãn nhu cầu của con người mà sự thỏa mãn nhu cầu này phải được nhận thức và đặt trong mối quan hệ xã hội ứng với trình độ phát triển nhất định của nền sản xuất xã hội đó.
- Lợi ích kinh tế là lợi ích vật chất, lợi ích thu được khi thực hiện các hoạt động kinh tế của con người.
  - Xét về bản chất, lợi ích kinh tế phản ánh mục đích và động cơ của các quan hệ giữa các chủ thể trong nền sản xuất xã hội.
  - Biểu hiện cơ bản của lợi ích kinh tế:
    - + Gắn với các chủ thể khác nhau là những lợi ích tương ứng: lợi ích của chủ doanh nghiệp trước hết là lợi nhuận, lợi ích của người lao động là thu nhập. Tất nhiên, với mỗi cá nhân, trong các mối quan hệ xã hội tổng hợp gắn với con người đó, mặc dù có khi thực hiện hoạt động kinh tế, trong nhất thời, không phải luôn đặt mục tiêu lợi ích vật chất lên hàng đầu. Song, về lâu dài, đã tham gia vào hoạt động kinh tế thì lợi ích kinh tế là lợi ích quyết định. Nếu không thấy được vai trò này của lợi ích kinh tế sẽ làm suy giảm động lực hoạt động của các cá nhân.

- + Khi đề cập tới phạm trù lợi ích kinh tế, có nghĩa rằng lợi ích đó được xác lập trong quan hệ nào, vai trò của các chủ thể trong quan hệ đó thể hiện chủ thể đó biểu hiện như thế nào. Có thể nói, trong nền kinh tế thị trường, ở đâu có hoạt động sản xuất kinh doanh, lao động ở đó có quan hệ lợi ích và lợi ích kinh tế.

## **Chương 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM**

**Câu 1: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là gì? Việt Nam cần chú trọng điều gì khi thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0?**

– Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế – xã hội, từ sử dụng sức lao động thủ công là chính chuyển sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện và các phương pháp hiện đại, tiên tiến để giúp tạo ra năng suất lao động hiệu quả nhất.

– Cách mạng công nghiệp là những bước phát triển nhảy vọt về chất trình độ của tư liệu lao động trên cơ sở những phát minh đột phá về kỹ thuật và công nghệ trong quá trình phát triển của nhân loại kéo theo sự thay đổi căn bản về phân công lao động xã hội cũng như tạo bước phát triển năng suất lao động cao hơn hẳn nhờ áp dụng một cách phổ biến những tính năng mới trong kỹ thuật – công nghệ đó vào đời sống.

– Để thích ứng với tác động của bối cảnh của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam cần thực hiện những nội dung chủ yếu sau:

- + Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, xây dựng nền kinh tế dựa trên nền tảng sáng tạo. Xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia để nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả. Cải thiện khung pháp lý, tăng nguồn vốn con người, thúc đẩy liên kết đổi mới sáng tạo. Phát huy vai trò của các trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu có chất lượng cao trong nước, đồng thời kết nối với mạng lưới tri thức toàn cầu.
- + Thứ hai, nắm bắt và đẩy mạnh việc ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0). Huy động các nguồn lực của Nhà nước, của toàn dân và nguồn lực quốc tế phục vụ việc triển khai, nghiên cứu các ứng dụng thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 vào sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống.
- + Thứ ba, chuẩn bị các điều kiện cần thiết như: xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật về công nghệ thông tin và truyền thông, chuẩn bị nền tảng kinh tế số; thực hiện chuyển đổi số nền kinh tế và quản trị xã hội; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao.

**Câu 2: Hội nhập kinh tế quốc tế là gì? Việt Nam cần phải làm gì để đạt hiệu quả trong phát triển kinh tế khi hội nhập kinh tế quốc tế? Phân tích những tác động của hội nhập kinh tế quốc tế?**

– Hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia là quá trình quốc gia đó thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung.

– Nội dung hội nhập kinh tế quốc tế mà Việt Nam cần thực hiện để đạt được hiệu quả:

- + Thứ nhất, chuẩn bị các điều kiện để thực hiện hội nhập thành công. Hội nhập là tất yếu, tuy nhiên đối với Việt Nam, hội nhập không phải bằng mọi giá. Quá trình hội nhập phải được cân nhắc với lộ trình và cách thức tối ưu. Quá trình này hội nhập phải được cân nhắc với lộ trình và cách thức tối ưu, đòi hỏi phải có sự chuẩn bị trong nội bộ cũng như quốc tế. Sẵn sàng về tư

duy, sự tham gia của toàn xã hội, sự hoàn thiện về thể chế, nguồn nhân lực và sự am hiểu môi trường quốc tế là những điều kiện chủ yếu để thực hiện hội nhập thành công.

- + Thứ hai, thực hiện đa dạng các hình thức, các mức độ hội nhập kinh tế quốc tế. Tiến hành hội nhập kinh tế quốc tế theo mức độ cơ bản từ thấp đến cao: PTA, FTA, CU, Thị trường chung, Liên minh kinh tế - tiền tệ,...
- Hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình hội nhập sẽ tạo ra nhiều tác động tích cực đối với quá trình phát triển của Việt Nam, mặt khác cũng đồng thời đưa đến nhiều thách thức đòi hỏi vượt qua mới có thể thu được những lợi ích to lớn từ quá trình hội nhập kinh tế thế giới đem lại.

❖ Tác động tích cực của hội nhập kinh tế quốc tế:

- + Hội nhập kinh tế quốc tế thực chất là mở rộng thị trường để thúc đẩy thương mại phát triển và các quan hệ kinh tế khác, tạo điều kiện cho sản xuất trong nước, tận dụng các lợi thế kinh tế của nước ta trong phân công lao động quốc tế, phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững và chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang chiều sâu và hiệu quả cao.
- + Hội nhập cũng tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hợp lý, hiện đại, hiệu quả hơn, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, từ đó nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của các sản phẩm và doanh nghiệp ; đồng thời, làm tăng khả năng thu hút đầu tư bên ngoài vào nền kinh tế.
- + Hội nhập tạo cơ hội để các cá nhân được thụ hưởng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đa dạng về chủng loại, mẫu mã và chất lượng với giá cạnh tranh; được tiếp cận và giao lưu nhiều hơn với thế giới bên ngoài, từ đó có cơ hội phát triển và tìm kiếm việc làm cả trong lẫn ngoài nước.
- + Hội nhập làm tăng cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước tiếp cận thị trường quốc tế, nguồn tín dụng và các đối tác quốc tế để thay đổi công nghệ sản xuất, tiếp cận với phương thức quản trị phát triển để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.
- + Hội nhập giúp nâng cao trình độ của nguồn nhân lực và nền khoa học công nghệ quốc gia, nhờ hợp tác giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học với các nước và tiếp thu công nghệ mới thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài và chuyển giao công nghệ từ các nước tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng nền kinh tế.
- + Hội nhập tạo điều kiện để các nhà hoạch định chính sách nắm bắt tốt hơn tình hình và xu thế phát triển của thế giới, từ đó đề ra chính sách phát triển phù hợp cho đất nước, xây dựng và điều chỉnh chiến lược phát triển một cách hợp lý và không bị “lệ hóa”.
- + Hội nhập tạo điều kiện để tiếp thu những giá trị tinh hoa của thế giới, bổ sung những giá trị và tiến bộ của văn hóa, văn minh của thế giới để làm giàu thêm văn hóa dân tộc và thúc đẩy tiến bộ xã hội.
- + Hội nhập tạo điều kiện cho cải cách toàn diện hướng tới xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng một xã hội mở, dân chủ, văn minh.
- + Hội nhập tạo điều kiện để mỗi nước tìm cho mình một vị trí thích hợp trong trật tự quốc tế, nâng cao vai trò, uy tín và vị thế quốc tế của nước ta trong các tổ chức chính trị, kinh tế toàn cầu.
- + Hội nhập giúp duy trì hòa bình, ổn định khu vực và quốc tế để tập trung cho phát triển kinh tế xã hội; đồng thời mở ra khả năng phối hợp các nỗ lực và các nguồn lực của các nước để giải quyết những vấn đề quan tâm chung như môi trường, biến đổi khí hậu, phòng chống tội phạm và buôn lậu quốc tế..

❖ Tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế:

- + Hội nhập làm gia tăng sự cạnh tranh gay gắt khiến nhiều doanh nghiệp và ngành kinh tế nước ta gặp khó khăn trong phát triển, thậm chí là phá sản, gây nhiều hậu quả bất lợi về mặt kinh tế - xã hội.
  - + Hội nhập làm tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế quốc gia vào thị trường bên ngoài, khiến nền kinh tế dễ bị tổn thương trước những biến động khôn lường về chính trị, kinh tế và thị trường quốc tế.
  - + Hội nhập còn dẫn đến phân phối không công bằng lợi ích và rủi ro cho các nước và các nhóm khác nhau trong xã hội, có nguy cơ làm tăng khoảng cách giàu - nghèo và bất bình đẳng xã hội.
  - + Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các nước đang phát triển như nước ta phải đối mặt với nguy cơ chuyển dịch cơ cấu kinh tế tự nhiên bất lợi, do thiên hướng tập trung vào các ngành sử dụng nhiều tài nguyên, nhiều sức lao động nhưng có giá trị gia tăng thấp. Vì thế dễ trở thành bãi rác thải công nghiệp và công nghiệp thấp, bị cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và hủy hoại môi trường ở mức độ cao.
  - + Hội nhập có thể tạo ra một số thách thức đối với quyền lực Nhà nước, chủ quyền quốc gia và phát sinh nhiều vấn đề phức tạp đối với việc duy trì an ninh và ổn định trật tự, an toàn xã hội.
  - + Hội nhập có thể làm gia tăng nguy cơ bản sắc dân tộc và văn hóa truyền thống Việt Nam bị xói mòn trước sự “xâm lăng” của văn hóa nước ngoài.
  - + Hội nhập có thể làm tăng nguy cơ gia tăng của tình trạng khủng bố quốc tế, buôn lậu, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh, nhập cư bất hợp pháp...
- Tóm lại, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay vừa có khả năng tạo ra những cơ hội thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, vừa có thể dẫn đến những nguy cơ to lớn mà hậu quả của chúng là rất khó lường, nhưng không phải hội nhập là đương nhiên hưởng đầy đủ tất cả các lợi ích và gánh mọi bất lợi như đã nêu trên. Vì vậy, tranh thủ thời cơ, vượt qua mọi thách thức trong hội nhập kinh tế quốc tế là vấn đề cần phải đặc biệt coi trọng.

### **Câu 3: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là gì? Tại sao các quốc gia cần tiến hành công nghiệp hóa?**

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế – xã hội, từ sử dụng sức lao động thủ công là chính chuyển sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện và các phương pháp hiện đại, tiên tiến để giúp tạo ra năng suất lao động hiệu quả nhất.
- Đầu tiên ta phải đề cập đến khái niệm công nghiệp hóa, đó là quá trình chuyển đổi nền sản xuất xã hội từ dựa trên lao động thủ công là chính sang nền sản xuất xã hội dựa chủ yếu trên lao động bằng máy móc nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao.
- Dựa vào khái niệm ta có thể giải thích tại sao một quốc gia phải tiến hành công nghiệp hóa:
  - + Vì công nghiệp hóa thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, tạo điều kiện để biến đổi về chất lượng sản xuất, trang thiết bị từ đó tăng năng suất lao động, quy trình sản xuất được tối đa hóa hơn nhờ máy móc, tăng trưởng và phát triển kinh tế góp phần ổn định, nâng cao đời sống, giảm rủi ro, tai nạn lao động.
  - + Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang phát triển như vũ bão, nhiều công nghệ mới rất tiên tiến ra đời. Và đặc biệt là công nghệ thông tin phát triển rất nhanh, trí tuệ nhân tạo (AI) là một ví dụ điển hình cho việc phát triển vượt bậc đó. Nếu bất kỳ đất nước nào không thực hiện quá trình công nghiệp hóa sẽ bị bỏ lại phía sau, lạc hậu. Áp dụng các máy móc thông minh tự động, các công nghệ tiên tiến điều khiển quá trình sản xuất sẽ làm giảm sức người và sức của.

- + Ngành công nghiệp năng lượng (điện, than, dầu,...) hiện nay là yếu tố tất yếu đối với mọi người cũng như trong các ngành công nghiệp khác của một quốc gia nên nếu không có quá trình công nghiệp hóa thì sẽ rất khó khăn thậm chí là chạt vật với điều đó.
- + Từ việc chuyển đổi sang lao động bằng máy móc đã tạo điều kiện vật chất cho việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Bên cạnh đó các nước thực hiện công nghiệp hóa có thể tự sản xuất thêm nhiều vũ khí trang thiết bị hiện đại tân tiến hơn vì thế không lệ thuộc qua nhiều vào việc mua vũ khí từ các nước khác như Anh, Mỹ,... từ đó góp phần tăng cường củng cố quốc phòng an ninh.

→ Từ những điều trên ta nhận ra rằng không quốc gia nào muốn đất nước mình lạc hậu tụt lại phía sau so với các cường quốc khác mà họ muốn đất nước của mình phải đứng đầu thế giới trở thành một quốc gia giàu mạnh. Và công nghiệp hóa chính là giai đoạn để quốc gia đó thay một tấm áo mới vươn lên đạt được những tham vọng của họ. Điều đó dẫn đến công nghiệp hóa trở thành một giai đoạn tất yếu của mỗi quốc gia.

#### **Câu 4: Trình bày nội dung các cuộc cách mạng công nghiệp? Vai trò của cách mạng công nghiệp đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội?**

– Cách mạng công nghiệp là những bước phát triển nhảy vọt về chất trình độ của tư liệu lao động trên cơ sở những phát minh đột phá về kỹ thuật và công nghệ trong quá trình phát triển của nhân loại kéo theo sự thay đổi căn bản về phân công lao động xã hội cũng như tạo bước phát triển năng suất lao động cao hơn hẳn nhờ áp dụng một cách phổ biến những tính năng mới trong kỹ thuật – công nghệ đó vào đời sống.

– Về mặt lịch sử, cho đến nay, loài người đã trải qua ba cuộc cách mạng công nghiệp và đang bắt đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng công nghiệp 4.0). Mỗi cuộc cách mạng công nghiệp xuất hiện đều có những nội dung cốt lõi, phát triển nhảy vọt về tư liệu sản xuất dẫn đến sự phát triển của văn minh nhân loại. Cụ thể:

- + Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất: khởi phát từ nước Anh, bắt đầu từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX. Nội dung cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là chuyển từ lao động thủ công thành lao động sử dụng máy móc, thực hiện cơ giới hóa sản xuất bằng việc sử dụng năng lượng nước và hơi nước. Những phát minh tiêu biểu: thoi bay của John Kay (1733), xe kéo sợi Jenny (1764), máy dệt của Edmund Cartwright (178), máy bay hơi nước của James Watt, công nghiệp luyện kim, luyện gang của Henry Cort và Henry Besemer, tàu hỏa, tàu thủy,... tạo tiền đề cho cuộc cách mạng cũng như điều kiện phát triển của giao thông vận tải đưa nước Anh lên làm bá chủ thế giới.
- + Cách mạng công nghiệp lần thứ hai: diễn ra vào nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. Nội dung của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai được thể hiện ở việc sử dụng năng lượng điện và động cơ điện, để tạo ra các dây chuyền sản xuất có tính chuyên môn hóa cao, chuyển nền sản xuất cơ khí sang nền sản xuất điện – cơ khí và sang giai đoạn tự động hóa cục bộ trong sản xuất. Những phát minh về công nghệ, sản xuất lần lượt ra đời như: điện, xăng dầu, động cơ đốt trong, kỹ thuật phun khí nóng, công nghệ luyện thép Bessemer,... sản xuất giấy, chế tạo ô tô, điện thoại, cao su cũng từ đó phát triển nhanh. Sự ra đời của phương pháp quản lý sản xuất tiên tiến bằng dây chuyền, phân công lao động cũng được áp dụng rộng rãi. Tạo ra những tiến bộ vượt bậc trong giao thông vận tải và thông tin liên lạc.
- + Cách mạng công nghiệp lần thứ ba: bắt đầu từ khoảng những năm đầu thập kỷ 60 thế kỷ XX đến cuối thế kỷ XX. Nội dung cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp này là sự xuất hiện của công nghệ thông tin, tự động hóa sản xuất. Có những sự tiến bộ về hạ tầng điện tử, máy tính và

số hóa nhờ sự phát triển của chất bán dẫn, siêu máy tính (thập niên 1960), máy tính cá nhân (thập niên 1970 – 1980) và Internet (thập niên 1990). Những tiến bộ công nghệ kỹ thuật nổi bật trong giai đoạn này là: hệ thống mạng, máy tính cá nhân, thiết bị điện tử sử dụng công nghệ số và robot công nghiệp.

- + Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: lần đầu được đề cập tại Hội chợ triển lãm công nghệ Hannover (Cộng hòa Liên bang Đức) năm 2011. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được hình thành trên cơ sở cuộc cách mạng số, gắn với sự phát triển và phổ biến của Internet, kết nối vạn vật với nhau (Internet of Things – IoT), biểu hiện đặc trưng là sự xuất hiện của các công nghệ mới có tính đột phá về chất như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), kỹ thuật in 3D,...
- Vai trò của cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của kinh tế - xã hội được khái quát như sau:

❖ Một là, thúc đẩy sự phát triển lực lượng sản xuất:

- + Về tư liệu lao động: từ chỗ máy móc ra đời thay thế cho lao động thủ công cho đến sự ra đời của máy tính điện tử, chuyển nền sản xuất sang giai đoạn tự động hóa, tài sản cố định thường xuyên được đổi mới, quá trình tập trung sản xuất được đẩy nhanh.
- + Về nguồn người lao động: Cách mạng công nghiệp có vai trò quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là về chất lượng. Nó có đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực nhưng bên cạnh đó cũng tạo điều kiện để phát triển nguồn nhân lực.
- + Về đối tượng lao động: Cách mạng công nghiệp đã giúp việc sản xuất của con người hạn chế phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các nguồn năng lượng truyền thống. Sự thiếu hụt nguyên nhiên liệu tự nhiên dần không còn là rào cản đáng quan ngại trong việc sản xuất hàng hóa.

❖ Hai là, thúc đẩy hoàn thiện quan hệ sản xuất:

- + Về quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất: Sau cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, giai cấp tư sản đã tích lũy đủ tài sản và quyền lực, dẫn tới việc chủ nghĩa tư bản đã thắng thế chế độ phong kiến. Sau cách mạng công nghiệp lần thứ hai, các nhà máy lớn sản xuất theo dây chuyền đã thay thế các xưởng sản xuất nhỏ, dẫn tới việc chủ nghĩa tư bản độc quyền đã thay thế chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, đồng thời giai cấp công nhân và một số phong trào chính trị đi theo chủ nghĩa xã hội đã hình thành. Cách mạng Công nghiệp lần thứ ba dẫn tới sự ra đời của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư hứa hẹn sẽ làm thay đổi hình thái kinh tế - xã hội của nhân loại thêm một lần nữa.
- + Về quan hệ tổ chức, quản lý, phân công lao động: Cách mạng công nghiệp làm cho lĩnh vực tổ chức, quản lý kinh doanh có sự thay đổi đáng kể. Việc quản lý quá trình sản xuất trở nên dễ dàng hơn nhờ ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ từ đó tạo điều kiện cho doanh nghiệp sử dụng nguồn nguyên liệu và năng lượng mới hiệu quả giúp nâng cao năng suất lao động và định hướng lại tiêu dùng.
- + Về quan hệ phân phối: Cách mạng công nghiệp đã thúc đẩy năng suất lao động, làm giảm chi phí sản xuất và nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân. Bên cạnh đó, cũng giúp cho việc phân phối và tiêu dùng trở nên dễ dàng và nhanh chóng hơn, làm thay đổi đời sống xã hội của con người.

❖ Ba là, thúc đẩy đổi mới phương thức quản trị phát triển: Các cuộc cách mạng công nghiệp đã tạo điều kiện để chuyển biến các nền kinh tế: từ nền kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp và rồi hiện nay là nền kinh tế dịch vụ và tri thức. Hàm lượng tri thức tăng lên trong sản phẩm dịch vụ, khoảng cách thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào thực tiễn ngày càng

được rút ngắn. Phương thức quản trị, điều hành của chính phủ cũng có sự thay đổi nhanh chóng để thích ứng với sự phát triển của công nghệ mới, hình thành hệ thống tin học hóa trong quản lý và “chính phủ điện tử”. Thể chế quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp cũng dần áp dụng công nghệ cao để quản lý sản xuất, thay đổi tổ chức doanh nghiệp.